

Số: 32

Ngày 20/8/2018

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Đại sứ đặc mệnh toàn quyền được bổ nhiệm trong trường hợp đặc biệt phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực, uy tín.

2. Vốn điều lệ của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là 35 ngàn tỷ đồng.

3. Tổng cục Quản lý thị trường có chức năng, nhiệm vụ xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm.

4. Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm

vụ cụ thể cho các bộ, ngành, địa phương về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

5. Bộ Tài chính được khai thác thông tin về tài sản công của cả nước trong cơ sở dữ liệu quốc gia.

6. Năm 2018 ngành Ngân hàng không xem xét, điều chỉnh tăng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng.

7. Bộ Công thương tăng cường quản lý việc nhập khẩu phế liệu.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Luật quản lý thuế.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Mức trợ cấp cho người hoạt động cách mạng trước ngày 01/1/1945?

2. Từ ngày 27/8/2018 mức trợ cấp cho thân nhân liệt sĩ là bao nhiêu?

3. Mức hưởng trợ cấp, phụ cấp đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh từ ngày 27/8/2018?

4. Mức hưởng trợ cấp, phụ cấp đối với bệnh binh từ ngày 27/8/2018?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. ĐẠI SỨ ĐẶC MỆNH TOÀN QUYỀN ĐƯỢC BỔ NHIỆM TRONG TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT PHẢI ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ VỀ NĂNG LỰC, UY TÍN

Đây là nội dung được quy định tại Nghị định số 104/2018/NĐ-CP ngày 08/8/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài.

Theo đó, việc bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền trong trường hợp đặc biệt phải bảo đảm chặt chẽ, khách quan, công bằng, công khai và đúng quy định. Khi được bổ nhiệm, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền thực hiện đầy đủ nhiệm kỳ công tác theo quy định của pháp luật về cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền đối với từng trường hợp cụ thể.

Đại sứ đặc mệnh toàn quyền được bổ nhiệm trong trường hợp đặc biệt phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực, uy tín sau đây: có kiến thức, hiểu biết sâu rộng về quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; có uy tín, kinh nghiệm và năng lực vượt trội trong lĩnh vực đối ngoại.

Đại sứ đặc mệnh toàn quyền được bổ nhiệm trong trường hợp đặc biệt nhằm thực hiện một trong các yêu cầu đối ngoại sau đây: thúc đẩy một hoặc một số lĩnh vực hợp tác đặc biệt quan trọng về chính trị, an ninh, quốc

phòng, kinh tế trong quan hệ giữa Việt Nam với quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận; xử lý một hoặc một số vấn đề quan trọng, có ảnh hưởng sâu sắc đến lợi ích của Việt Nam trong quan hệ giữa Việt Nam với quốc gia, tổ chức quốc tế tiếp nhận.

Địa bàn công tác trong trường hợp đặc biệt bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền bao gồm một trong các địa bàn sau đây: quốc gia láng giềng hoặc thuộc khu vực Đông Nam Á; quốc gia có quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, Liên hợp quốc hoặc địa bàn có tầm quan trọng trong quan hệ với Việt Nam, phù hợp với yêu cầu đối ngoại trong từng thời kỳ.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08/8/2018.

2. VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM LÀ 35 NGÀN TỶ ĐỒNG

“Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam” (gọi tắt là Tập đoàn TKV) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ. TKV có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, biểu tượng, thương hiệu, tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ mở tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. TKV có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối

Số 32 ngày 20/8/2018 trang 2/12

với các công ty con, công ty liên kết trong phạm vi số vốn do TKV đầu tư. Nội dung này được quy định tại Nghị định số 105/2018/NĐ-CP, ngày 08/8/2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Nghị định này quy định vốn điều lệ của TKV là 35 ngàn tỷ đồng. Nhà nước là chủ sở hữu của TKV. Chính phủ thống nhất quản lý và tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với TKV. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của TKV. TKV chịu sự quản lý nhà nước của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định của pháp luật.

TKV có các chức năng, nhiệm vụ cơ bản sau: đầu tư tài chính vào các công ty con, các công ty liên kết; chi phối các công ty con, các công ty liên kết theo mức độ chiếm giữ vốn điều lệ của các công ty đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; trực tiếp kinh doanh có lợi nhuận và hiệu quả theo quy định của pháp luật; thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn tại các công ty con và công ty liên kết tương ứng với phần vốn đầu tư của TKV tại các doanh nghiệp này. Các quan hệ kinh tế phát sinh giữa TKV và công ty con, công ty liên kết được thể hiện bằng hợp đồng; TKV được Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện chức năng chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản than, bô xít, đồng, sắt, vàng, bạc, thiếc, kẽm

và các khoáng sản khác theo quy định của pháp luật; TKV được Nhà nước giao quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên trữ lượng than, bô xít và các khoáng sản khác theo quy định của pháp luật; vốn nhà nước đầu tư vào TKV; một số công trình thuộc kết cấu hạ tầng có tính chất liên mỏ, liên khu vực.

Ngành, nghề kinh doanh chính của TKV: khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, vận tải, sàng tuyển, chế biến, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm than, khí mỏ, nước ngầm ở mỏ và các khoáng sản khác đi cùng với than; khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, vận tải, sàng tuyển, làm giàu quặng, luyện kim, gia công, chế tác, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm khoáng sản; đầu tư, xây dựng, sản xuất điện; mua, bán điện; sản xuất, mua, bán, dự trữ, sử dụng, xuất nhập khẩu các loại vật liệu nổ công nghiệp và nitorat amôn.

TKV có các quyền sau: chiếm hữu, sử dụng vốn và tài sản của TKV để kinh doanh, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của TKV theo quy định của pháp luật; định đoạt đối với vốn và tài sản của TKV theo quy định của pháp luật; được sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý của TKV để đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh; tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh và bảo đảm kinh doanh có hiệu quả; kinh doanh những ngành, nghề, lĩnh vực quy định trong

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của TKV và nhu cầu của thị trường trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định của Chính phủ; tìm kiếm thị trường, khách hàng trong nước và nước ngoài và ký kết hợp đồng; TKV được quyền vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính; vay của tổ chức, cá nhân ngoài TKV, của người lao động; phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật; chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của TKV bảo đảm nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; có quyền, nghĩa vụ về tài chính liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần lợi nhuận thu được từ phần vốn góp vào các công ty con và doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp....

TKV có nghĩa vụ: bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại TKV và vốn TKV tự huy động, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của TKV trong phạm vi số tài sản của TKV; thực hiện các nghĩa vụ khác về vốn và tài sản của TKV theo quy định của pháp luật; tuân thủ các quy định của pháp luật khi thực hiện các ngành nghề kinh doanh; kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; bảo đảm chất lượng sản phẩm và dịch vụ do TKV thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký; tự chủ về tài chính, tự cân đối các khoản thu, chi; kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu do chủ sở hữu nhà nước giao; *Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới*

đăng ký, kê khai và nộp đủ thuế; thực hiện nghĩa vụ đối với chủ sở hữu và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng có hiệu quả: vốn kinh doanh bao gồm cả phần vốn đầu tư vào các công ty khác; tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao, cho thuê....

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/8/2018 và thay thế Nghị định số 212/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

3. TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG CÓ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI KINH DOANH HÀNG HÓA NHẬP LẬU, SẢN XUẤT, BUÔN BÁN HÀNG GIẢ

Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương. Theo đó, Tổng cục Quản lý thị trường là tổ chức trực thuộc Bộ Công Thương, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm; hành vi

vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các hành vi gian lận thương mại theo quy định pháp luật. Tổng cục Quản lý thị trường có tư cách pháp nhân, con dấu có hình Quốc huy, tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Tổng cục Quản lý thị trường có các nhiệm vụ và quyền hạn sau: trình Bộ trưởng Bộ Công Thương để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định Dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ; dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường; về chế độ, chính sách đối với công chức Quản lý thị trường; trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định dự thảo thông tư, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về tổ chức và hoạt động của lực lượng Quản lý thị trường; về công tác kiểm tra, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - thương mại trên thị trường và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật, về chế độ, chính sách đối với công chức Quản lý thị trường thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng; ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản theo quy định của pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; tổ chức thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình để tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền áp dụng các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh đối với các hành vi vi phạm pháp luật....

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình để tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền áp dụng các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh đối với các hành vi vi phạm pháp luật....

Tổng cục Quản lý thị trường có 06 đơn vị trực thuộc gồm: Văn phòng Tổng cục; Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Tổng hợp - Kế hoạch - Tài chính; Vụ Chính sách - Pháp chế; Vụ Thanh tra - Kiểm tra; Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/10/2018 và thay thế Quyết định số 19/2009/QĐ-TTg ngày 06/2/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương.

4. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO NHIỆM VỤ CỤ THỂ CHO CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG VỀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính được Thủ tướng Chính phủ ban hành bằng Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018.

Kế hoạch này có các nội dung chính sau: xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP; thành

lập, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn và bố trí trụ sở, trang thiết bị của Bộ phận Một cửa các cấp; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tổ chức quán triệt, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Kế hoạch này.

Cụ thể, trong Quý III/2018 Văn phòng Chính phủ phải xây dựng và ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Quý IV/2018 Bộ Nội vụ ban hành Hướng dẫn về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa. Bộ Tài chính xây dựng và ban hành Quy định về mức chi phục vụ các hoạt động thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Về nội dung thành lập, kiện toàn tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn và bố trí trụ sở, trang thiết bị của Bộ phận Một cửa các cấp, trong Quý IV/2018 các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND các cấp phải hoàn thành các nhiệm vụ: thành lập hoặc kiện toàn tổ chức Bộ phận Một cửa và ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp như quy định; hoàn thành việc bố trí trụ sở, bố trí trang thiết bị tại Bộ phận Một cửa; công bố danh mục thủ tục hành chính tiếp

nhận tại Bộ phận Một cửa; danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận trực tuyến trên Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh; ban hành quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với việc giải quyết từng thủ tục hành chính...

Về việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông các bộ, ngành được giao nhiệm vụ cụ thể như sau:

Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành các tiêu chí, quy định thống nhất về chức năng, tính năng kỹ thuật trong xây dựng Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh; hướng dẫn kết nối các hệ thống thông tin một cửa điện tử trên phạm vi cả nước. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh Xây dựng hoặc nâng cấp Cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh theo tiêu chí, quy định thống nhất về chức năng, tính năng kỹ thuật, yêu cầu kết nối theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và Văn phòng Chính phủ và ban hành quy chế hoạt động. Bộ Nội vụ xây dựng quy định về công tác lưu trữ hồ sơ, dữ liệu điện tử tại Bộ phận Một cửa. Văn phòng Chính phủ Xây dựng Đề án thiết lập Cổng dịch vụ công quốc gia; thiết lập Cổng Dịch vụ công quốc gia và ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia...

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/8/2018.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. BỘ TÀI CHÍNH ĐƯỢC KHAI THÁC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN CÔNG CỦA CẢ NƯỚC TRONG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA

Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công là tập hợp các dữ liệu về tài sản công được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử. Cơ sở dữ liệu quốc gia được xây dựng thống nhất trong phạm vi cả nước; có chức năng tổng hợp số lượng, giá trị, cơ cấu phân bổ toàn bộ tài sản công của quốc gia. Nội dung này được quy định trong Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

Theo đó, Bộ Tài chính có trách nhiệm: quản lý, vận hành và đảm bảo hạ tầng kỹ thuật cho hoạt động thông suốt của hệ thống; đảm bảo an ninh, an toàn về mặt kỹ thuật, lưu trữ và bảo mật Cơ sở dữ liệu quốc gia được đặt tại Bộ Tài chính; hướng dẫn xử lý các vấn đề về kỹ thuật phát sinh trong quá trình sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia; chia sẻ thông tin về dữ liệu tài sản kịp thời, chính xác để các cơ quan, tổ chức, đơn vị khai thác, sử dụng có hiệu quả; bảo mật các thông tin được chia sẻ; hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị trong việc triển khai kết nối; giải thích, làm rõ các nội dung liên quan đến các tài liệu của Cơ sở dữ liệu

quốc gia khi có yêu cầu; cập nhật tài liệu và thông báo cho các bên liên quan khi có sự thay đổi các thông tin kết nối.

Về quản lý nghiệp vụ, Bộ Tài chính có trách nhiệm: xây dựng yêu cầu về nghiệp vụ báo cáo kê khai tài sản công phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công trong từng thời kỳ làm cơ sở để xây dựng, nâng cấp hệ thống; tổ chức tập huấn và hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quá trình sử dụng, khai thác và trao đổi thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia và các nghiệp vụ liên quan khác khi có nhu cầu; khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia để phục vụ công tác lập kế hoạch, công tác chỉ đạo, điều hành, báo cáo, phân tích dự báo của Chính phủ, của Bộ Tài chính và cơ quan nhà nước có liên quan.

Cơ quan tài chính của các Bộ, cơ quan trung ương; Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm đảm bảo việc nhập, duyệt, chuẩn hoá dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu.

Bộ Tài chính được khai thác thông tin về tài sản công của cả nước trong Cơ sở dữ liệu quốc gia. Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền khai thác thông tin tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong

Cơ sở dữ liệu quốc gia. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản kê khai trong Cơ sở dữ liệu quốc gia có quyền khai thác thông tin tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị và các đơn vị trực thuộc (nếu có) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2018.

6. NĂM 2018 NGÀNH NGÂN HÀNG KHÔNG XEM XÉT, ĐIỀU CHỈNH TĂNG CHỈ TIÊU TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-NHNN ngày 02/8/2018 yêu cầu các đơn vị trong toàn ngành triển khai nghiêm túc, quyết liệt các công việc trọng tâm sau đây:

Quán triệt công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị tiếp tục bám sát phương châm “chủ động, an toàn, linh hoạt, hiệu quả”, triển khai đồng bộ hiệu quả các giải pháp, nhiệm vụ của ngành Ngân hàng năm 2018.

Chủ động điều hành linh hoạt, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ nhằm ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát theo mục tiêu, đồng thời tạo điều kiện để tổ chức tín dụng cung ứng vốn hiệu quả cho nền kinh tế, góp phần hỗ trợ tăng trưởng

kinh tế hợp lý; kiểm soát chặt chẽ tốc độ tăng trưởng và chất lượng tín dụng của toàn hệ thống cũng như từng tổ chức tín dụng theo đúng mục tiêu, định hướng đề ra; không xem xét, điều chỉnh tăng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng; tiếp tục điều hành linh hoạt tỷ giá, phù hợp với diễn biến cung cầu thị trường, cân đối vĩ mô và kiểm soát lạm phát; triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý ngoại hối, ổn định thị trường ngoại tệ, hạn chế tình trạng đô la hóa và vàng hóa trong lãnh thổ; kiểm soát chặt việc cho vay bằng ngoại tệ, giảm dần và có lộ trình chấm dứt cho vay bằng ngoại tệ; phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tháo gỡ khó khăn trong triển khai các chương trình tín dụng, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận vốn vay, đặc biệt là hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa...

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tiếp tục phát huy vai trò quản lý Nhà nước tại địa phương của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với các tổ chức tín dụng trên địa bàn; thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của tổ chức tín dụng trên địa bàn, đặc biệt là hoạt động của hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân; tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thanh toán, trung gian thanh toán trên địa bàn theo thẩm quyền...

Các tổ chức tín dụng kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng theo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2018 đã được thông báo; chủ động phân tích

đánh giá tình hình để kiểm soát chất lượng, bảo đảm an toàn hoạt động cho vay, xử lý nợ xấu cũ, kiểm soát nợ xấu mới phát sinh; kiểm soát chặt chẽ tốc độ tăng trưởng và chất lượng tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như tín dụng đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản, lĩnh vực chứng khoán, tín dụng đối với nhóm khách hàng/ nhóm khách hàng lớn, tín dụng đối với các dự án BOT, BT giao thông... Kiểm soát chặt chẽ tín dụng tiêu dùng, nhất là tín dụng tiêu dùng liên quan đến bất động sản; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về cho vay phục vụ đời sống, tín dụng tiêu dùng, các quy định pháp luật về sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt để giải ngân. Kiểm soát chặt chẽ mục đích sử dụng vốn vay.

Chỉ thị này có hiệu lực kể từ ngày 02/8/2018.

7. BỘ CÔNG THƯƠNG SIẾT CHẶT QUẢN LÝ NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU

Nhằm góp phần quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu phế liệu, giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường, Bộ Công Thương ban hành Chỉ thị số 06/CT-BCT ngày 06/8/2018 về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động nhập khẩu phế liệu. Theo đó, Bộ trưởng Bộ Công thương yêu cầu các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Công Thương và các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty trực thuộc Bộ tập trung triển khai thực hiện các nội dung sau đây:

Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì cùng các đơn vị liên quan trong Bộ phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát các quy định của pháp luật về nhập khẩu phế liệu để tăng cường công tác quản lý nhập khẩu phù hợp với yêu cầu bối cảnh hiện nay; xây dựng các điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với phế liệu theo hướng quản lý chặt chẽ hoạt động nhập khẩu phế liệu.

Vụ Thị trường châu Á - châu Phi, Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ chỉ đạo các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài thường xuyên trao đổi, liên hệ với các cơ quan quản lý xuất nhập khẩu của nước sở tại tìm hiểu chính sách, quy định của pháp luật về quản lý xuất khẩu phế liệu; báo cáo Bộ để phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng chính sách pháp luật nhằm ngăn chặn nhập khẩu phế liệu trái phép vào Việt Nam.

Tổng cục Quản lý thị trường chỉ đạo lực lượng Quản lý thị trường các địa phương tăng cường phối hợp với lực lượng hải quan, công an, các đơn vị chức năng thuộc Sở Tài nguyên Môi trường, Sở Công Thương trong công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong nhập khẩu, vận chuyển, mua bán và sử dụng phế liệu không đúng quy định của pháp luật.

Cục Xuất nhập khẩu chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế và các đơn vị liên quan thuộc Bộ, trao đổi với Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính để trình lãnh đạo Bộ ban hành

Thông tư quy định tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất đối với một số loại phế liệu; phối hợp với Cục Công nghiệp trong việc xây dựng danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường công tác phối hợp với các đơn

vị liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các quy định về nhập khẩu phế liệu và tham gia xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến nhập khẩu phế liệu tại địa bàn khi được yêu cầu.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/8/2018.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO LUẬT QUẢN LÝ THUẾ

Quốc hội đang tổ chức lấy ý kiến vào Dự thảo Luật quản lý thuế. Theo đó, người nộp thuế có các quyền sau: được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế; cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế; yêu cầu cơ quan quản lý thuế giải thích về việc tính thuế, ấn định thuế; yêu cầu cơ quan hải quan xác định trước mã số, trị giá hải quan, xác nhận trước xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu trước khi làm thủ tục hải quan theo quy định của Chính phủ; yêu cầu cơ quan, tổ chức giám định số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; được giữ bí mật thông tin theo quy định của pháp luật; hưởng các ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; ký hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế; được bồi thường thiệt hại do cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế gây ra theo quy định của pháp luật; khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi

hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình...

Người nộp thuế có nghĩa vụ: đăng ký thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định của pháp luật; khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế; nộp tiền thuế đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm; chấp hành chế độ kế toán, thống kê và quản lý, sử dụng hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; lập và giao hoá đơn, chứng từ cho người mua theo đúng số lượng, chủng loại, giá trị thực thanh toán khi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật...

Đối tượng đăng ký thuế gồm: các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh; cá nhân có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân; tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay; tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật về thuế.

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

Hồ sơ đăng ký thuế gồm tờ khai đăng ký thuế hoặc hồ sơ khai thuế và các giấy tờ có liên quan khác. Tổ chức, cá nhân kinh doanh đăng ký thuế tại cơ quan thuế nơi tổ chức, cá nhân đó có trụ sở chính. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay đăng ký thuế tại cơ quan thuế nơi tổ chức, cá nhân đó có trụ sở. Cá nhân đăng ký thuế tại cơ quan thuế nơi phát sinh thu nhập chịu thuế, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi tạm trú.

Người nộp thuế phải khai chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế theo mẫu do Bộ Tài chính quy định và nộp đủ các loại chứng từ, tài liệu quy định trong hồ sơ khai thuế với cơ quan quản lý thuế. Người nộp thuế tự tính số thuế phải nộp, trừ trường hợp việc tính thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Hồ sơ khai thuế là Tờ khai thuế và các tài liệu khác liên quan đến xác

định số thuế phải nộp. Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế đối với trường hợp khai và nộp theo tháng; chậm nhất là ngày thứ ba mươi của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế đối với trường hợp khai và nộp theo quý; chậm nhất là ngày thứ ba mươi của tháng đầu tiên của năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ khai thuế năm.

Người nộp thuế có thể thực hiện nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước tại các địa điểm sau: tại Kho bạc Nhà nước; tại cơ quan quản lý thuế nơi tiếp nhận hồ sơ khai thuế; thông qua tổ chức được cơ quan quản lý thuế uỷ nhiệm thu thuế; thông qua ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Dự thảo luật này dự kiến trình Quốc hội thông qua vào năm 2019.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Mức trợ cấp cho người hoạt động cách mạng trước ngày 01/1/1945 là bao nhiêu?

*** Trả lời:** Mục 1, phụ lục I, Nghị định số 99/2018/NĐ-CP ngày 12/7/2018 của Chính phủ quy định mức trợ cấp cho người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 như sau:

1. Diện thoát ly trợ cấp 1.693.000đ/tháng.

2. Diện không thoát ly trợ cấp 2.874.000đ/tháng.

3. Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 từ trần 1.515.000đ/tháng.

4. Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 18 tuổi trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa hoặc con dưới 18 tuổi mồ côi cả cha mẹ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng được

hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng trợ cấp 1.212.000đ/tháng.

2. Hỏi: Từ ngày 27/8/2018 mức trợ cấp cho thân nhân liệt sĩ là bao nhiêu?

*** Trả lời:** Mục 3, phụ lục I, Nghị định số 99/2018/NĐ-CP ngày 12/7/2018 của Chính phủ quy định mức trợ cấp cho thân nhân liệt sĩ như sau:

1. Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của 1 liệt sĩ là 1.515.000đ/tháng

2. Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của 2 liệt sĩ là 3.030.000đ/tháng.

3. Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của 3 liệt sĩ trở lên là 4.545.000đ/tháng.

4. Trợ cấp tiền tuất đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc lấy vợ khác là 1.515.000đ/tháng.

5. Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, người có công nuôi dưỡng liệt sĩ, con từ đủ 18 tuổi trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa hoặc con dưới 18 tuổi mồ côi cả cha mẹ, đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng được hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng là 1.212.000đ/tháng.

3. Hỏi: Mức hưởng trợ cấp, phụ cấp đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh từ ngày 27/8/2018?

*** Trả lời:** Mục 6, phụ lục I, Nghị định số 99/2018/NĐ-CP ngày 12/7/2018 của Chính phủ quy định mức trợ cấp, phụ cấp cho thương binh, người

hưởng chính sách như thương binh như sau:

1. Thương binh, thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên được phụ cấp 760.000đ/tháng.

2. Thương binh, thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng được hưởng phụ cấp 1.558.000đ/tháng.

3. Người phục vụ thương binh, thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên ở gia đình được hưởng trợ cấp 1.515.000đ/tháng.

4. Người phục vụ thương binh, thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng được hưởng trợ cấp 1.946.000đ/tháng.

5. Trợ cấp tiền tuất đối với thân nhân của thương binh, thương binh loại B suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên từ trần 850.000đ/tháng.

6. Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 18 tuổi trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa hoặc con dưới 18 tuổi mồ côi cả cha mẹ đang hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng được hưởng thêm trợ cấp tiền tuất nuôi dưỡng 1.212.000đ/tháng.

4. Hỏi: Mức hưởng trợ cấp, phụ cấp đối với bệnh binh từ ngày 27/8/2018?

*** Trả lời:** Mục 6, phụ lục I, Nghị định số 99/2018/NĐ-CP ngày 12/7/2018 của Chính phủ quy định mức trợ cấp, phụ cấp cho bệnh binh như sau:

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

1. Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 41% - 50% được trợ cấp 1.581.000đ/tháng.

2. Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 51% - 60% được trợ cấp 1.970.000đ/tháng.

3. Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% - 70% được trợ cấp 2.511.000đ/tháng.

4. Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 71% - 80% được trợ cấp 2.895.000đ/tháng.

5. Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% - 90% được trợ cấp 3.465.000đ/tháng.

6. Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 91% - 100% được trợ cấp 3.859.000đ/tháng.

7. Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên được hưởng phụ cấp 760.000đ/tháng

8. Bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng được hưởng phụ cấp 1.515.000đ/tháng.